

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20/01/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 398/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58a/2024/QĐXX-TA ngày 16 tháng 12 năm 2024 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025**, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lương Thị H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 6, xã C, huyện E K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn 6, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (H) và ông Đinh Văn Đ sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện EK, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/7/2004, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và thông cảm cho nhau, ông Đ hay uống rượu say, không chịu làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 5 năm 2022 thì mâu thuẫn gay gắt nên chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Đinh Văn Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung Đinh Thị Tâm N, sinh ngày 24/6/2005 và Đinh Xuân L, sinh ngày 05/4/2007. Hiện nay, tôi làm công nhân, thu nhập trung bình hàng tháng 8.000.000^d/tháng, thu nhập ổn định, trong khi ông Đ không có việc làm, thu nhập không ổn định. Ngoài ra, sau khi ly thân thì con chung Lộc do tôi chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Đinh Xuân L đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Đinh Thị Tâm N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Đinh Văn Đ nhưng đương sự đều có tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Lương Thị H được ly hôn với ông Đinh Văn Đ; Về con chung: giao con chung là Đinh Xuân L, sinh ngày 05/4/2007 cho bà Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con chung Đinh Thị Tâm N, sinh ngày 24/6/2005 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lương Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Đinh Văn Đ. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Đinh Văn Đ được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Đinh Văn Đ là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Lương Thị H và ông Đinh Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/7/2004 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: bà Lương Thị H và ông Đinh Văn Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, ông Đ hay uống rượu say, không chịu làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống. Như vậy, xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lương Thị H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Theo kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn nhận thấy: hiện nay, bà H đang làm công nhân, thu nhập ổn định, trong khi ông Đ không có việc làm ổn định. Ngoài ra, sau khi ly thân thì con chung Đinh Xuân L do bà Lương Thị H nuôi dưỡng, ổn định cuộc sống. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Xuân L, sinh ngày 05/4/2007 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Đối với con chung Đinh Thị Tâm N, sinh ngày 24/6/2005 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

Ông Đinh Văn Đ có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiêu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Lương Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông Lương Văn Y nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000703 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiêu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử bà Lương Thị H được ly hôn với ông Đinh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Xuân L, sinh ngày 05/4/2007 cho bà Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung Lộc đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Đinh Thị Tâm N, sinh ngày 24/6/2005 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông Đinh Văn Đ có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Lương Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông Lương Văn Y nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000703 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Ba

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Khắc Dũng Nguyễn Thị Tuyết

Hồ Thị Thu Ba

